

UBND HUYỆN CƯ KUIN
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK LẮK - 2024

UBND HUYỆN CƯ KUIN
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đinh Thế Hùng	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Hoàng Thị Vân	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Hoàng Thị Nghĩa	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
4	Hoàng Đình Thành	Phó hiệu trưởng	Ủy viên Hội đồng	
5	Trần Thị Bích Hằng	Bí Thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Thị Hồng Luyến	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Ngọc Thuý	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	14
Tiêu chuẩn 1	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	16
Tiêu chí 1.3	17
Tiêu chí 1.4	19
Tiêu chí 1.5	21
Tiêu chí 1.6	22
Tiêu chí 1.7	23
Tiêu chí 1.8	24
Tiêu chí 1.9	26
Tiêu chí 1.10	27
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	28
Tiêu chuẩn 2	29

Mở đầu	29
Tiêu chí 2.1	30
Tiêu chí 2.2	31
Tiêu chí 2.3	33
Tiêu chí 2.4	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	35
Tiêu chuẩn 3	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 3.1	36
Tiêu chí 3.2	37
Tiêu chí 3.3	39
Tiêu chí 3.4	40
Tiêu chí 3.5	41
Tiêu chí 3.6	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	44
Tiêu chuẩn 4	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 4.1	45
Tiêu chí 4.2	47
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	48
Tiêu chuẩn 5	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 5.1	50
Tiêu chí 5.2	51

Tiêu chí 5.3	52
Tiêu chí 5.4	54
Tiêu chí 5.5	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	56
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	57
Tiêu chí 1	57
Tiêu chí 2	57
Tiêu chí 3	58
Tiêu chí 4	58
Tiêu chí 5	58
<i>Kết luận</i>	58
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	58
Phần IV. PHỤ LỤC	60

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	BGH	Ban giám hiệu
2	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
3	CĐGD	Công đoàn Giáo dục
4	CĐSP	Cao đẳng sư phạm
5	ĐHSP	Đại học sư phạm
6	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
7	HĐ	Hội đồng
8	KĐCL	Kiểm định chất lượng
9	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
10	TĐG	Tự đánh giá
11	TNTPHCM	Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh
12	TPT	Tổng phụ trách
13	TTMC	Thông tin minh chứng
14	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	

Tiêu chí 3.3	X			
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Không đạt

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường không đạt

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Cư Kuin

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK LẮK
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Cư Kuin
Xã / phường/thị trấn	Xã Ea Ktur
Đạt CQG	Đạt mức 1
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1995
Công lập	✓
Tư thực	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	ĐINH THẾ HÙNG
Điện thoại	0973534168
Fax	
Website	https://xbot.com.vn/gbot/donvi/thquangtrung
Số điểm trường	1
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Khối lớp 1	4	4	4	4	4
Khối lớp 2	5	4	4	4	4
Khối lớp 3	3	5	4	3	4

Khối lớp 4	3	3	4	4	3
Khối lớp 5	4	3	3	4	4
Cộng	19	19	19	19	19

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0	
1	Phòng học	0	0	0	0	19	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	19	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	0	0	0	0	0	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	

c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	0	0	0	0	0	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	0	0	0	0	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

	Cộng	0	0	0	0	0	
--	-------------	---	---	---	---	---	--

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	1	0	0	2	0	
Giáo viên	29	27	0	0	29	0	
Nhân viên	6	4	0	0	0	0	
Cộng	38	32	0	0	32	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

T T	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số giáo viên	0	0	0	0	0
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	0	0	0	0	0
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0	0	0	0	0
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
6	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	0	0	0	0	599	
	- Nữ	0	0	0	0	262	
	- Dân tộc	0	0	0	0	50	
	- Khối lớp 1	0	0	0	0	134	
	- Khối lớp 2	0	0	0	0	116	
	- Khối lớp 3	0	0	0	0	131	
	- Khối lớp 4	0	0	0	0	101	
	- Khối lớp 5	0	0	0	0	117	
2	Tổng số tuyển mới	0	0	0	0	133	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	599	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	0	0	0	0	30	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	0	0	0	0	561	
	- Nữ	0	0	0	0	252	
	- Dân	0	0	0	0	45	

	<i>tộc thiểu số</i>						
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	0	0	0	0	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	0	0	0	0	0	
	- Nữ	0	0	0	0	0	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	5	
	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	0	0	0	0	0	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	0	0	0	0	0	

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0	0	0	0	0	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0	0	0	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Quang Trung được tách ra từ trường PTCS Quang Trung năm 1995 theo Quyết định số 49/TCCB ngày 14/10/1995 của Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Lắk. Trường đóng tại Thôn 2, xã Ea Ktur, huyện Cư Kuin. Năm học 2023-2024, toàn trường có 598 học sinh, chia làm 19 lớp, có 54 học sinh dân tộc thiểu số. Tổng số CBQL, GV, NV là 38 người, trong đó CBQL: 03 người; TPT Đội: 01 người; GV: 28 người; NV: 06 người.

Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2006 theo Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 02/8/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Học sinh của trường đa số là con em nhân dân các Thôn 1, 2, 3, 4, 10 xã Ea Ktur, một số là con em cư trú ở địa bàn lân cận. Cơ sở vật chất của nhà trường cơ bản đáp ứng các nhu cầu dạy học. Trường luôn là đơn vị có chất lượng cao về mọi mặt của ngành giáo dục huyện Cư Kuin.

2. Mục đích TĐG

Thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường tổ chức đánh giá nhằm xác định nhà trường đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn 2021-2026; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Sau khi được tập huấn, tiếp nhận các văn bản hướng dẫn về công tác kiểm định chất lượng, trường đã thực hiện quy trình tự đánh giá như sau: Thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 07 thành viên do Hiệu trưởng làm Chủ tịch hội đồng. Hội đồng tự đánh giá của nhà trường thực hiện theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự thảo của Cục Quản lý chất lượng ban hành hướng dẫn xác định nội hàm (yêu cầu) và gợi ý tìm minh chứng. Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch, quy trình tự đánh giá theo từng tiêu chí của các tiêu chuẩn; việc tiến hành thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn quy định. Hội đồng tự đánh giá thực hiện một cách khoa học, dân chủ, khách quan, trung thực, công khai.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Bộ máy tổ chức và quản lý của nhà trường hoạt động đồng bộ, có đủ số lượng, đảm bảo về chất lượng. Trường có Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn, Hội đồng thi đua khen thưởng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, có Ban đại diện cha mẹ học sinh, có

chi bộ Đảng với 21 đảng viên, Công đoàn cơ sở có 39 đoàn viên, Chi đoàn gồm 06 đoàn viên, Liên Đội TNTPHCM có 11 chi đội và 08 sao nhi đồng. Các Hội đồng và các tổ chức đoàn thể hoạt động sôi nổi có hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng, nhiệm vụ của mình.

Công tác quản lý và triển khai các hoạt động giáo dục được tiến hành tốt, khoa học, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Hiệu trưởng, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban giám hiệu với các đoàn thể trong nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

- a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;
- b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với đặc điểm tình hình, nguồn lực của nhà trường, phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn [H1-1.1-01].

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thông qua Hội đồng giáo dục xã Ea Ktur và lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Cư Kuin phê duyệt [H1-1.1-01].

Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường đã có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Thực hiện đúng các quy định về Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động, lắng nghe và tiếp thu những ý kiến của cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường và có các biện pháp giải quyết đúng theo chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Đảm bảo quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường, nghiêm túc thông qua chế độ thông

tin, báo cáo định kì, đột xuất theo quy định của ngành kịp thời, chính xác, có sự giám sát của thanh tra nhân dân [H1-1.1-03].

Mức 3:

Hằng tháng, cuối học kì 1 và cuối năm học, nhà trường tổ chức họp để các thành viên Hội đồng trường và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia đánh giá, rà soát, điều chỉnh mục tiêu, phương hướng phù hợp với hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2021-2025 phù hợp mục tiêu giáo dục, với định hướng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

Chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục của nhà trường đã được UBND xã Ea Ktur và phòng GD&ĐT huyện Cư Kuin phê duyệt; được công khai và có các giải pháp giám sát việc thực hiện chiến lược đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Chưa tổ chức cho phụ huynh và cộng đồng tham gia đánh giá, bổ sung, điều chỉnh Chiến lược phát triển của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thường xuyên rà soát bổ sung, điều chỉnh để thực hiện có hiệu quả phương hướng chiến lược phát triển nhà trường. Tổ chức cho cộng đồng tham gia đánh giá, bổ sung, điều chỉnh Chiến lược phát triển của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường được UBND huyện Cư Kuin ra Quyết định thành lập. Hội đồng trường gồm 11 thành viên, đảm bảo thành phần quy định tại Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-01].

Hội đồng trường đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều 10 của Điều lệ trường tiểu học, cụ thể là: Quyết nghị về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-02].

Hội đồng nhà trường được hoạt động thường xuyên và sau mỗi học kỳ và mỗi năm học đều tiến hành sơ kết, tổng kết để đánh giá, rà soát các công việc nhằm rút kinh nghiệm trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định [H1-1.2-02].

Mức 2:

Hội đồng trường luôn hoạt động có hiệu quả; chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng, hoạt động của nhà trường; huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường; gắn nhà trường với cộng đồng xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục đạt và vượt chỉ tiêu trong từng năm học [H1-1.2-02].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường được thành lập đúng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Hội đồng trường luôn hoạt động có hiệu quả; chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng, hoạt động của nhà trường; thực hiện tốt công tác huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường; đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục đạt và vượt chỉ tiêu trong từng năm học.

3. Điểm yếu

Hội đồng trường chưa đóng góp nhiều cho sự thay đổi của đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy chức năng nhiệm vụ của Hội đồng trường để quyết định có hiệu quả các hoạt động của đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các tổ chức đoàn thể như: Công đoàn cơ sở, Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Ban thanh tra nhân dân có cơ cấu tổ chức theo quy định [H2-1.3-01]; [H3-1.3-02]; [H4-1.3-03]; [H5-1.3-04].

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, hoạt động theo quy định tại Điều lệ hiện hành của mỗi tổ chức. Công đoàn triển khai các hoạt động mỗi quý một lần. Ban chỉ huy Liên đội và đội trực cờ đỏ trực hàng ngày vào đầu giờ học và giờ ra chơi. Các tổ chức đoàn thể hoạt động tích cực góp phần giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ [H2-1.3-01]; [H3-1.3-02]; [H4-1.3-03]; [H5-1.3-04].

Sau mỗi tháng, học kì và năm học, các đoàn thể đều thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động đã xây dựng để nhìn nhận lại những việc đã làm được và rút kinh nghiệm những việc chưa làm được. Mỗi tổ chức trong nhà trường sau khi rà soát, đánh giá đều có văn bản báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động cho tháng, học kỳ tiếp theo [H2-1.3-01]; [H3-1.3-02]; [H4-1.3-03]; [H5-1.3-04].

Mức 2:

Chi bộ đảng nhà trường có 21 đảng viên, cấp ủy nhiệm kỳ 2022-2025 có 03 đồng chí. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 1 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 3 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và 1 năm hoàn thành nhiệm vụ [H6-1.3-05]; [1.3-06].

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định. Công đoàn giúp nhà trường quan tâm đến đời sống của CBQL, GV, NV; Liên đội tổ chức các hoạt động xây dựng các phong trào thi đua trong nhà trường. Chi bộ và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động xây dựng nhà trường thành một tập thể vững mạnh, có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường trong hoạt động chính trị cũng như nâng cao chất lượng giáo dục và được lãnh đạo địa phương, nhân dân tín nhiệm [1.3-07].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được đảng ủy xã Ea Ktur công nhận có 1 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 3 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và 01 năm hoàn thành nhiệm vụ [1.3-06].

Các tổ chức Công đoàn, Đội TN TPHCM, đã làm tốt chức năng giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức tác phong cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [1.3-07]; [1.3-08].

2. Điểm mạnh

Chi bộ và các đoàn thể có cơ cấu đầy đủ, hoạt động có hiệu quả, góp phần quan trọng trong việc thực hiện tốt phong trào thi đua, hoàn thành các nhiệm vụ và nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị.

3. Điểm yếu

Các đoàn thể chưa tham gia tích cực vào việc tổ chức các hoạt động tại cộng đồng địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban chấp hành Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội phối hợp các đoàn thể tại địa phương để thực hiện có hiệu quả vào việc tham gia các hoạt động của cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng [H7-1.4-01].

Trường có 05 tổ chuyên môn theo năm khối lớp, 01 tổ văn phòng. Mỗi tổ có một tổ trưởng, có 04 tổ chuyên môn và tổ văn phòng có tổ phó [H7-1.4-02].

Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục; Thực hiện bồi dưỡng có hiệu quả về chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường, tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học [H7-1.4-03].

Tổ văn phòng xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động của từng thành viên trong tổ, giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán kế toán, công tác y tế học đường theo quy định, bồi dưỡng chuyên môn,

nghịp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường, tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, giới thiệu tổ trưởng, tổ phó, lưu trữ hồ sơ của trường [H8-1.4-04].

Mức 2:

Đầu mỗi năm học, trường chỉ đạo các tổ chuyên môn dựa vào thực tế, kết quả dạy học của tổ để đăng ký chuyên đề sinh hoạt nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Bình quân trong mỗi năm học, mỗi tổ có ít nhất 01 chuyên đề triển khai cho các thành viên trong tổ, ngoài ra còn phối hợp với chuyên môn xây dựng chuyên đề cấp trường để đưa vào áp dụng trong trường nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H9-1.4-05].

Tổ chuyên môn sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học mỗi tháng hai lần, tổ văn phòng họp mỗi tháng một lần để đánh giá hoạt động đã qua, triển khai kế hoạch thời gian tới, rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch, phương hướng, giải pháp tổ chức các hoạt động của các tổ [H7-1.4-03]; [H8-1.4-04].

Mức 3:

Tổ chuyên môn đã có nhiều sáng kiến trong việc nâng cao chất lượng dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường. Đề ra được các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục nên tỷ lệ học sinh được khen thưởng ngày càng tăng [H1-1.4-06].

Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, lựa chọn nội dung sinh hoạt chuyên đề phong phú, phù hợp và thiết thực theo đề nghị của các tổ viên đồng thời đề ra được các biện pháp, hình thức tổ chức dạy học đặc trưng cho từng phân môn; lựa chọn nội dung, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh; có nhiều ý tưởng hay trong việc xây dựng nội dung, cách thức tổ chức các hoạt động ngoại khóa. Vì vậy mà chất lượng nhà trường có chuyển biến rõ nét, tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập tăng dần qua các năm [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đúng theo quy định; chỉ đạo các tổ thực hiện tốt việc xây dựng, triển khai, đánh giá, rà soát kế hoạch; luôn tạo điều kiện cho các tổ tham gia hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tổ chuyên môn đã có nhiều sáng kiến trong việc nâng cao chất lượng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường; đề ra được các biện pháp, hình thức tổ chức dạy học đặc trưng cho từng phân môn. Chất lượng nhà trường có chuyển biến rõ nét, tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập và rèn luyện ngày càng được nâng lên đặc biệt là chất lượng mũi nhọn.

3. Điểm yếu

Việc đánh giá giáo viên trong khối đôi lúc còn cả nể nên hiệu quả góp ý để tiến bộ chưa cao, có những buổi sinh hoạt chuyên môn nội dung chưa sâu, còn mang tính hình thức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên đề, phát huy hiệu quả nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, đi sâu các chuyên đề giúp giáo viên dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 598 học sinh chia làm 19 lớp học, có đủ các khối lớp từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 [1.5-01].

Trường thực hiện mô hình VNEN ở khối 5. Mỗi lớp có 01 lớp trưởng hoặc chủ tịch Hội đồng tự quản, 02 lớp phó (01 phụ trách học tập, 01 phụ trách văn thể) hoặc phó chủ tịch Hội đồng tự quản. Lớp được chia thành các tổ hoặc các nhóm học sinh. Mỗi tổ đều có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó. Mỗi lớp học đều được quản lý chặt chẽ thông qua đội ngũ cán bộ lớp và dưới sự chỉ đạo của giáo viên chủ nhiệm [H10-1.5-02].

Lớp học được hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, ở các lớp theo mô hình VNEN, học sinh thực hiện tốt khả năng tự quản thông qua hội đồng tự quản [H10-1.5-02].

Mức 2:

Toàn trường có 19 lớp. Trong đó: khối 1 có 4 lớp, khối 2 có 4 lớp, khối 3 có 4 lớp, khối 4 có 3 lớp, khối 5 có 4 lớp [1.5-01].

Sĩ số học sinh trong lớp của nhà trường bình quân 31,5 em/lớp [H9-1.5-01].

Nhà trường bố trí tổ chức lớp học, linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục theo mô hình trường học mới, hình thức dạy học luôn linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục như hoạt động câu lạc bộ, tổ chức trò chơi,... [H10-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Tổng số lớp, sĩ số học sinh trong mỗi lớp đảm bảo theo quy định. Từng lớp học được tổ chức linh hoạt, đảm bảo công tác tổ chức và thuận tiện cho việc dạy học và các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số phòng học nhỏ nên giáo viên gặp nhiều khó khăn khi tổ chức các hình thức hoạt động nhóm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giáo viên vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức hoạt động dạy học để nâng cao hiệu quả học tập của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào đầu năm học, nhà trường mua sắm các loại hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục đảm bảo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các loại hồ sơ được lưu trữ theo từng bộ phận, thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật [1.6-01].

Trên cơ sở kinh phí được UBND huyện giao hằng năm, nhà trường xây dựng dự toán thu, chi gửi cấp trên phê duyệt, tiến hành hợp công khai dự toán. Sau đó, tổ chức cho tập thể tham gia xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung hằng năm. Hằng quý, trường tiến hành công khai tài chính; cuối năm học và năm tài chính trường tổ chức kiểm tra tài chính, tài sản của đơn vị. Công tác thu, chi, quyết toán, báo cáo tài chính, CSVN được tiến hành đúng theo quy định hiện hành [H11-1.6-02].

Nhà trường đã quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính, tài sản đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục. Nguồn kinh phí tự chủ của nhà trường hằng năm, chủ yếu để tu sửa cơ sở vật chất, trang thiết bị hư hỏng, mua sắm thiết bị dạy học và tổ chức tập huấn, hội thảo các chuyên đề để nâng cao chất lượng. Trường đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, bộ phận tham gia quản lý tài sản của đơn vị. Trong 05 năm qua, tài chính, tài sản của đơn vị luôn được sử dụng đúng mục đích, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục [H11-1.6-03].

Mức 2:

Trong những năm qua, trường đã ứng dụng CNTT một cách có hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường; ứng dụng tốt phần mềm quản lý tài chính Misa, phần mềm quản lý tài sản Online, phần mềm phổ cập giáo dục; cơ sở dữ liệu ngành,...[H10-1.6-04].

Trong 05 năm trở lại đây, qua kiểm tra, đánh giá hằng năm, trường không có hiện tượng vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản của đơn vị [H10-1.6-05].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để huy động các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực hiện của địa phương nhằm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu dạy và học [H10-1.6-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng hệ thống hồ sơ và Quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện tốt công tác thu, chi, quyết toán, công khai tài chính, tài sản; khai thác, ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đạt hiệu quả. Trong 05 năm trở lại đây, trường không có hiện tượng vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản của đơn vị.

3. Điểm yếu

Việc huy động các nguồn kinh phí từ các nhà tài trợ trong địa bàn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cùng các đoàn thể huy động kinh phí tài trợ để nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và động viên, hỗ trợ học sinh khó khăn hoặc có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thấy được một trong những nhiệm vụ quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục là tập trung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Ngay từ đầu mỗi năm học, dựa vào thực trạng, năng lực chuyên môn của đội ngũ, CBQL phối hợp BCH công đoàn xây dựng và triển khai có hiệu quả kế

hoạch năm học, trong đó có nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ [H10-1.7-01].

Trong từng năm học, căn cứ vào năng lực, trình độ chuyên môn của CBQL, GV, NV nhà trường tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Toàn thể CBQL, GV, NV của trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, trình độ đào tạo và gắn với từng vị trí việc làm cụ thể [H10-1.7-02].

CBQL, GV, NV luôn được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của pháp luật. Giáo viên, nhân viên được trường tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt nhiệm vụ; được tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; được hưởng lương và các chế độ khác theo quy định; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H12-1.7-03]; [H10-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường đã có những giải pháp tối ưu để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị. Khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ tham gia ý kiến trong việc xây dựng và triển khai các loại kế hoạch; tạo môi trường làm việc bình đẳng, tạo động lực để đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ; tổ chức cho giáo viên tham gia thi giáo viên giỏi các cấp, viết sáng kiến, giải pháp công tác dự thi các cấp góp phần nâng cao chất lượng của nhà trường [H10-1.7-05]; [H10-1.7-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và nhân viên; có nhiều giải pháp tối ưu để phát huy năng lực của đội ngũ trong việc xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị. Luôn tạo điều kiện, khuyến khích đội ngũ tham gia ý kiến xây dựng và triển khai các hoạt động giáo dục; đã xây dựng được môi trường làm việc bình đẳng, tạo điều kiện thuận tiện để CBQL, GV, NV thực hiện tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Chưa thực hiện tốt việc khám sức khỏe định kỳ cho CBQL, GV, NV trong đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho CBQL, GV, NV ít nhất 1 lần/năm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm học của Phòng GD&ĐT huyện Cư Kuin, nghị quyết của Đảng ủy xã Ea Ktur, tình hình thực tế của địa phương và điều kiện hiện có của đơn vị, trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục từng năm học đúng theo quy định hiện hành, sát thực với tình hình thực tế của đơn vị. Phương hướng, biện pháp, chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch từng năm học đều bám sát Chiến lược phát triển nhà trường và nghị quyết phát triển giáo dục của địa phương [H10-1.8-01].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng hoạt động, cụ thể như: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp, kế hoạch thực hiện các cuộc vận động; chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài dạy các môn học và hoạt động giáo dục. Trường đã kết hợp với công đoàn, chỉ đạo các cá nhân, đoàn thể cùng tham gia tổ chức thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các hoạt động mà kế hoạch từng năm học đề ra [H10-1.8-02]; [H10-1.8-03].

Hàng tháng, nhà trường tổ chức họp hội đồng để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia rà soát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động, giải pháp đề ra trong kế hoạch giáo dục [H1-1.1-03].

Mức 2:

Trường đã đề ra được các giải pháp khả thi để thực hiện tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được đảng ủy, chính quyền địa phương ghi nhận, cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [1.3-08].

2. Điểm mạnh

Trường đã bám sát các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của các cơ quan quản lý, nghị quyết của đảng ủy xã, tình hình thực tế của địa phương, xây dựng được kế hoạch giáo dục từng năm học đúng theo quy định hiện hành, sát thực với tình hình thực tế của nhà trường.

Nhà trường đã đề ra được các giải pháp khả thi để thực hiện tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục; tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động đề ra trong kế hoạch giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số nội dung được điều chỉnh, bổ sung cho kế hoạch giáo dục, trường chưa kịp thời đưa vào nghị quyết để chỉ đạo công tác trong thời gian tiếp theo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường bám sát các văn bản hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch giáo dục của các cơ quan quản lý, nghị quyết của đảng ủy xã về lĩnh vực phát triển giáo dục từng năm; căn cứ vào thực tế của đơn vị để xây dựng được kế hoạch giáo dục năm học của đơn vị đúng theo quy định hiện hành và đảm bảo phù hợp. Hàng tháng, phối hợp với BCH công đoàn để chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động

giáo dục. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, đoàn thể để tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục của đơn vị.

Định kỳ tổ chức để CBQL, GV, NV rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục; kịp thời đưa những nội dung đã được điều chỉnh, bổ sung vào nghị quyết để chỉ đạo tốt các hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường phối hợp với công đoàn tổ chức Hội nghị viên chức và người lao động. Tại hội nghị, các thành viên đều được tham gia góp ý xây dựng Phương hướng nhiệm vụ năm học, Quy chế thực hiện dân chủ; nội quy làm việc của đơn vị. Trong các buổi họp, nhà trường luôn khuyến khích đội ngũ CBQL, GV, NV tham gia ý kiến vào tất cả các lĩnh vực trong quá trình quản lý, sử dụng các nguồn lực của nhà trường để xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả [H1-1.1-03]; [H10-1.9-01].

Trường đã xây dựng được môi trường làm việc dân chủ, bình đẳng; tạo điều kiện thuận tiện để CBQL, GV, NV, học sinh, phụ huynh thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền lợi của mình. Các kiến nghị, phản ánh đều được kịp thời giải quyết thỏa đáng nên trong những năm qua, không có khiếu nại, tố cáo xảy ra trong đơn vị [H1-1.1-03].

Dựa vào quy chế và căn cứ vào kết quả thực hiện dân chủ tại đơn vị, hằng năm, trường đều tổ chức tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ trong trường học. Báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường được thông qua trước tập thể hội đồng sư phạm và được gửi đến các cấp quản lý [H10-1.9-01]; [H10-1.9-02].

Mức 2:

Trường đã xây dựng được biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở đơn vị đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Cụ thể: CBQL phối hợp với Công đoàn triển khai tất cả các văn bản của các cấp về thực hiện qui chế dân chủ cơ sở cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện những yếu kém tồn tại trong quá trình thực hiện, để điều chỉnh và đưa ra những giải pháp phù hợp [H10-1.9-01].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng được môi trường làm việc dân chủ, bình đẳng; tạo điều kiện thuận tiện cho CBQL, GV, NV và học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền lợi. Có biện pháp và cơ chế giám sát, tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở đơn vị đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Các kiến nghị, phản ánh đều được kịp thời giải quyết thỏa đáng nên trong những năm qua, không có khiếu nại, tố cáo xảy ra trong đơn vị.

3. Điểm yếu

Trong quá trình tham gia thảo luận, có một số viên chức, người lao động chưa mạnh dạn đưa ra ý kiến trực tiếp trước tập thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

CBQL và BCH công đoàn tiếp tục duy trì việc xây dựng môi trường làm việc dân chủ, bình đẳng trong đơn vị; tạo điều kiện thuận tiện cho CBQL, GV, NV và học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền lợi; xây dựng biện pháp và cơ chế giám sát, tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở đơn vị đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Khuyến khích đội ngũ tham gia ý kiến vào tất cả các lĩnh vực trong quá trình quản lý, sử dụng các nguồn lực của nhà trường; sử dụng phong phú các hình thức góp ý để đội ngũ tham gia tích cực vào việc đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Để thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, ngay từ đầu mỗi năm học, trường đã tiến hành khảo sát tình hình thực tế, xây dựng được các phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H10-1.10-01].

Nhà trường thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynh học sinh, của người dân; tổ chức các cuộc họp để phụ huynh học sinh tham gia góp ý vào việc quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục của đơn vị [H10-1.10-02]; [H13-1.10-03].

Trường đã thành lập tổ tư vấn tâm lý học đường; chỉ đạo việc dạy học kỹ năng sống, trong dạy học chú trọng tổ chức những nhóm bạn cùng tiến để nâng cao nhận thức và tăng cường sự trao đổi, tự khắc phục lẫn nhau của học sinh; kết hợp cùng cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục để uốn nắn, điều hướng các em vào phong trào của lớp, tránh sự phân biệt đối xử [H13-1.10-04].

Mức 2:

Hàng năm, sau khi xây dựng được các phương án đảm bảo ANTT, an toàn trường học, trường tiến hành họp hội đồng phổ biến, hướng dẫn, cách thức thực hiện các phương án đến đội ngũ CBQL, GV, NV trong các cuộc họp [H10-1.10-01].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, qua đó đề ra biện pháp ngăn chặn đạt hiệu quả [H13-1.10-04].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện tốt việc xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; luôn tạo điều kiện để người dân tham gia góp ý vào việc quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục của đơn vị.

3. Điểm yếu

Việc tập huấn cho CBQL, GV, NV và học sinh toàn trường về công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho CBQL, GV, NV và học sinh toàn trường theo từng năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

Trường Tiểu học Quang Trung có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các tổ chức đoàn thể, các bộ phận: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đội TNTPHCM, các tổ chuyên môn thường xuyên phối hợp trong công việc, hoạt động đồng bộ theo sự lãnh đạo của Chi bộ. Trong quá trình hoạt động, các đoàn thể trong nhà trường đã có sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực. Các bộ phận xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo đúng chức năng quyền hạn của tổ chức mình. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động theo đúng kế hoạch, tổ chức sinh hoạt đều đặn theo định kỳ, thường

xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục của các thành viên trong tổ, thực hiện tốt nhiệm vụ.

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động năm học và kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục đối với giáo viên và nhân viên. Nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ thông tin và báo cáo theo yêu cầu với các cơ quan có chức năng và thẩm quyền. Hoạt động của các tổ chức trong trường dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai nên không xảy ra mất đoàn kết nội bộ và được đánh giá tốt trong nhiều năm liền.

Trường có các phương án và thực hiện tốt để đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, chủ động sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả cao trong mọi lĩnh vực.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0%.
- Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí chiếm 100%.
- Đạt Mức 2: 10/10 tiêu chí chiếm 100%.
- Đạt Mức 3: 4/4 tiêu chí chiếm 100%.
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 10/10 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: 10/10 tiêu chí chiếm 100 % (Trong đó, 4/4 tiêu chí có mức 3 chiếm 100 %)

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Nhà trường hiện có số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về cơ bản đáp ứng được mục tiêu nhiệm vụ, cơ cấu đội ngũ hợp lý. Trình độ tin học của giáo viên tương đối tốt. Phần lớn giáo viên đã ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo trong việc soạn giáo án, làm các loại hồ sơ và thực hiện giảng dạy.

Đảm bảo đủ cơ cấu giáo viên, nhân viên theo quy định. Có 78,9 % cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt trình độ chuẩn. Đa số cán bộ giáo viên sau khi được học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đã phát huy được tác dụng trong giảng dạy và nâng cao chất lượng học tập cho học sinh.

Đội ngũ cán bộ quản lý có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín để triển khai và thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục. Nội bộ nhà trường xây dựng và giữ vững được khối đoàn kết cao. Có mối quan hệ chặt chẽ với địa phương và phụ huynh học sinh.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhiệt tình có trách nhiệm, có trình độ, năng lực và khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng có 31 năm công tác, 27 năm làm công tác quản lý, Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn có 31 năm công tác, 08 năm làm công tác quản lý, Phó Hiệu trưởng phụ trách CSVC, LĐ có 14 năm công tác, 3 năm làm công tác quản lý [H14-2.1-01]; [H14-2.1-02].

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng có năng lực quản lý, điều hành tốt; năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Hàng năm, được đội ngũ CBGVNV và lãnh đạo phòng GD&ĐT huyện đánh giá, xếp loại đạt chuẩn trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã được bồi dưỡng về quản lý giáo dục [H14-2.1-01]; [H14-2.1-02].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao [H14-2.1-01]; [H14-2.1-02].

Mức 3:

Hàng năm, trường đã thực hiện tốt việc tổ chức cho đội ngũ tham gia đánh giá, xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn Phó Hiệu trưởng và đề nghị cấp trên đánh giá theo quy định. Từ năm 2019 đến nay, Hiệu trưởng được đánh giá 01 năm ở mức tốt; Phó Hiệu trưởng được đánh giá 02 năm ở mức tốt [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện tốt việc tổ chức cho đội ngũ tham gia đánh giá, xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng đối với CBQL đề nghị cấp trên đánh giá theo quy định. Nhà trường đã kịp thời tham mưu lãnh đạo các cấp đề Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng tập huấn về lý luận chính trị và quản lý giáo dục.

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao và không ngừng học tập bồi dưỡng đạo đức, trình độ chuyên môn, giải quyết công việc hợp tình, hợp lý nên được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm cao.

3. Điểm yếu

Số năm học được xếp loại Tốt về chuẩn nghề nghiệp của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện tốt các chức năng quyền hạn và nhiệm vụ của người quản lý và đặc biệt là duy trì được uy tín lãnh đạo trong nhà trường. Không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ quản lý và hiệu quả công việc ngày một tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn

nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Trường gồm có 28 giáo viên trực tiếp giảng dạy, trong đó có 20 giáo viên đại trà, 01 giáo viên Âm nhạc, 02 giáo viên Thể dục, 02 giáo viên Tiếng Anh, 02 giáo viên Mỹ thuật và 01 giáo viên Tin học. Có 01 giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H14-2.2-01]; [H14-2.2-02].

Hiện nay có 20/28 giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, 08 giáo viên còn lại nhà trường đã lập kế hoạch cử đi học đạt chuẩn trước năm 2025 [H14-2.2-03].

Hàng năm, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp [H14-2.2-04]; [H14-2.2-06].

Mức 2:

Có 20/28 giáo viên có trình độ đại học (71,4 %), nhà trường đã lập danh sách 08 giáo viên để cử đi học đại học theo lộ trình quy định tại Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ [H14-2.2-01]; [H14-2.2-03].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá giữ vững 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên [H14-2.2-04].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 01 giáo viên bị kỷ luật khiển trách do sinh con thứ ba, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H14-2.2-05]; [H14-2.2-07].

Mức 3:

Tính đến thời điểm, đánh giá, giáo viên có trình độ đại học chiếm tỷ lệ 71,4 % [H14-2.2-01].

Năm học 2020-2021, toàn trường có 06 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt; năm học 2021-2022, toàn trường có 01 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt; năm học 2022-2023, toàn trường có 02 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt; năm học 2023-2024, toàn trường có 05 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt [H14-2.2-06].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và cơ cấu đảm bảo dạy tốt các môn cơ bản, các môn chuyên biệt và được phân công dạy đúng chuyên môn đào tạo. Giáo viên có ý thức học tập để nâng cao trình độ đào tạo trên chuẩn. 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trong đó có 20% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

3. Điểm yếu

Trình độ chuẩn của giáo viên theo quy định của Luật giáo dục năm 2019 không cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện tốt lộ trình nâng chuẩn đào tạo của giáo viên theo Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 nhân viên làm công tác y tế - thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị và 01 nhân viên bảo vệ [H14-2.2-01].

Các nhân viên của trường được phân công nhiệm vụ phù hợp, hợp lý theo năng lực của từng cá nhân [H10-1.7-02].

Nhân viên trong trường đều thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [H14-2.3-01].

Mức 2:

Số lượng, cơ cấu nhân viên đáp ứng yêu cầu của tất cả các nội dung công việc của trường [H10-1.7-02].

Các nhân viên luôn thực hiện tốt nhiệm vụ, nên không có nhân viên nào vi phạm kỷ luật [H14-2.2-05].

Mức 3:

Nhân viên thiết bị và nhân viên văn thư có trình độ chuyên môn trung cấp kế toán [H14-2.2-01].

Nhân viên nhà trường hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm, không ngừng nâng cao nghiệp vụ [H14-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 06 nhân viên, được phân công đảm nhiệm tất cả vị trí việc làm theo quy định. Đội ngũ nhân viên làm việc nhiệt tình, năng nổ, có ý thức tự học hỏi, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, có trách nhiệm với các công việc được giao giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ trong năm học.

3. Điểm yếu

Nhân viên thiết bị và nhân viên văn thư có trình độ chuyên môn không phù hợp với vị trí việc làm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Động viên nhân viên thiết bị và nhân viên văn thư tham gia học tập để phù hợp với vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tất cả học sinh của nhà trường đảm bảo độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi theo quy định của Điều lệ trường tiểu học [H15-2.4-01].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, Tổng phụ trách Đội thường xuyên giáo dục các em ý thức chấp hành nội quy của lớp, của trường, thực hiện các nhiệm vụ của học sinh. Học sinh lễ phép, biết đoàn kết thương yêu lẫn nhau; biết giữ gìn vệ sinh thân thể và tham gia tích cực các hoạt động giáo dục của nhà trường [H16-2.4-02].

Học sinh được học tập, rèn luyện trong môi trường an toàn, tôn trọng và yêu thương. Học sinh thuộc đối tượng chính sách được hưởng các chế độ theo quy định [H17-2.4-03]; [H16-2.4-04]; [H18-2.4-05].

Mức 2:

Trường chỉ đạo giáo viên, các bộ phận thực hiện tốt việc xử lý các tình huống xảy ra đối với học sinh. Thường xuyên theo dõi hành vi, hoạt động của các em để kịp thời phát hiện những hành vi sai trái. Khi học sinh vi phạm nội quy của lớp, của trường nhà

trường đã tiến hành tìm hiểu nguyên nhân, kịp thời nhắc nhở để các em sửa chữa, nhờ vậy mà các em đã biết sửa sai và có chuyển biến tích cực [H10-1.10-04].

Mức 3:

Hằng năm, trường đã thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học. Chỉ đạo giáo viên đa dạng hóa hình thức học tập cho học sinh; khuyến khích và thu hút các em tham gia tích cực trong học tập và rèn luyện. Chỉ đạo giáo viên dạy học theo đối tượng, giao nhiệm vụ học tập theo hướng tăng dần từ dễ đến khó để rèn luyện tư duy học tập cho các em. Trong 5 năm qua, trường đã tổ chức cho học sinh thi văn nghệ, toán tiếng Việt, tiếng Anh trên Internet, Trạng Nguyên Tiếng Việt, VioEdu,.. cấp trường; có học sinh đạt giải cao trong các kì thi cấp huyện, cấp tỉnh. Những học sinh có năng khiếu này đã góp phần tạo phong trào thi đua trong học tập, có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H16-2.4-06].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm liên tục, nhà trường đã thực hiện tốt công tác tuyển sinh trên địa bàn; chỉ đạo tốt công tác dạy và học; thường xuyên giáo dục các em ý thức chấp hành nội quy của lớp, của trường; kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi có dấu hiệu vi phạm nội quy của các em. Học sinh của trường được đối xử bình đẳng, được nhà trường tạo môi trường học tập an toàn.

Học sinh có năng khiếu được tham gia các sân chơi phù hợp với năng lực, sở trường của bản thân, góp phần tạo phong trào thi đua trong học tập, có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số em chưa thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh; ý thức giữ vệ sinh chung và giữ vệ sinh cá nhân chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phối hợp với các đoàn thể, gia đình giáo dục học sinh tích cực rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân. Phát huy hơn nữa tinh thần hiếu học của học sinh nhằm nâng cao hơn chất lượng giáo dục của nhà trường.

Nhà trường tạo điều kiện để học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục, tổ nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để tạo sân chơi cho học sinh. Trang bị thêm cơ sở vật chất để học sinh được tham gia nhiều hoạt động học tập và vui chơi.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ đào tạo đáp ứng vị trí việc làm, năng động, sáng tạo, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, được đội ngũ tin nhiệm cao.

Đội ngũ giáo viên nhà trường đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, tỷ lệ giáo viên đứng lớp đảm bảo theo quy định. Trình độ đào tạo của giáo viên đạt trên chuẩn. Năng lực chuyên môn của đội ngũ vững vàng và tương đối đồng đều. Các quyền của giáo viên luôn được tôn trọng và đảm bảo.

Nhân viên được bố trí đảm nhận đủ vị trí việc làm, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật cao, đoàn kết, nhất trí trong công tác.

Học sinh đi học đúng độ tuổi quy định. Nhà trường luôn đổi mới các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp nhằm thu hút và động viên học sinh tham gia hoạt động tích cực, có hiệu quả giáo dục cao. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của người học sinh và nội quy, quy định của nhà trường.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0%.
- Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100%.
- Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100%.
- Đạt Mức 3: 2/4 tiêu chí chiếm 50%.
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: 4/4 tiêu chí chiếm 100 % (Trong đó, 4/4 tiêu chí có mức 3 chiếm 100 %)

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Tiểu học Quang Trung nhiều năm qua được sự quan tâm đầu tư của lãnh đạo các cấp và sự ủng hộ của nhân dân địa phương, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học ngày càng được xây dựng khang trang, đảm bảo các yêu cầu dạy và học. Có phòng học đầy đủ, bàn ghế đúng quy cách, có bảng chống lóa và hệ thống điện chiếu sáng cho học sinh học tập. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, trang thiết bị văn phòng phục vụ tốt công tác quản lý, dạy và học theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học. Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả việc huy động các nguồn lực nhằm tăng cường CSVC, phương tiện thiết bị giáo dục phục vụ cho hoạt động giáo dục.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;
- c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

- a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;
- b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [3.1-01].

Trường có cổng trường, biển trường, hàng rào bảo vệ theo quy định, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ [3.1-01].

Trường có sân chơi, sân tập thể dục, có cây bóng mát [3.1-01].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập đạt theo quy định trường tiểu học [H19-3.1-02].

Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả [3.1-01].

Mức 3:

Có sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động đảm bảo cho học sinh vui chơi, luyện tập theo quy định [3.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng kiên cố, có hàng rào xây bao bọc xung quanh, cổng trường đẹp. Sân chơi, bãi tập sạch sẽ, bằng phẳng, có đủ bóng mát để học sinh vui chơi, học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

Thiết bị vận động còn ít, chủ yếu là thiết bị dạy học môn Giáo dục thể chất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường có kế hoạch bổ sung, tu bổ hàng năm xây dựng trồng và tăng cường thêm cây xanh, chăm sóc và bảo vệ cây.

Giáo dục học sinh tự giác bảo vệ môi trường Xanh- Sạch- Đẹp, phát động phong trào “Công trình măng non”, xây dựng phong trào vệ sinh sạch sẽ, nề nếp, nếp sống văn minh cho từng học sinh, từng lớp và tập thể.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;

b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;

c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Toàn trường có 19 phòng đủ để 19 lớp học 2 buổi/ ngày theo quy định. Mỗi phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định vệ sinh trường học [3.2-01].

Tất cả bàn ghế học sinh đều loại 2 chỗ ngồi, đủ chỗ ngồi cho học sinh. Bàn, ghế giáo viên, bảng lớp đầy đủ theo quy định. Trường có 05 học sinh khuyết tật học hoà nhập, các học sinh này không cần sử dụng bàn ghế riêng [3.2-02].

Tất cả phòng học đều trang bị hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo đủ ánh sáng, quạt, tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học bảo đảm đúng theo quy định [3.2-03].

Mức 2:

Diện tích mỗi phòng học đều đạt tiêu chuẩn theo quy định về yêu cầu thiết kế trường tiểu học [3.2-01].

Mỗi phòng học đều có tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học phục vụ cho việc dạy học trên lớp [3.2-03].

Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh đảm bảo theo quy định đủ về số lượng và đảm bảo yêu cầu chất lượng [3.2-02].

Mức 3:

Trường chỉ có phòng riêng biệt để dạy môn Tin học, các môn Mỹ thuật, Âm nhạc, Tiếng Anh học ở các lớp học [3.2-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng học đảm bảo quy cách. Tất cả phòng học đều đảm bảo đủ ánh sáng, có bảng chống lóa, tủ đựng thiết bị dạy học. Bàn ghế giáo viên, học sinh đầy đủ, đúng quy cách.

3. Điểm yếu

Một số bàn ghế học sinh trang bị lâu năm, hiện nay mặt bàn, mặt ghế đã xuống cấp. Chưa có phòng riêng để dạy môn Âm nhạc, Mỹ thuật, và tiếng Anh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ tiếp tục huy động các nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất. Xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung bàn ghế học sinh, trang thiết bị trong phòng học đảm bảo

chất lượng và đúng theo quy định. Tham mưu với UBND huyện đầu tư xây dựng phòng học riêng để dạy môn Âm nhạc, Mỹ thuật, và tiếng Anh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường sử dụng một phần nhà kho để làm phòng thiết bị, đa số đồ dùng dạy học được bảo quản ở các tủ phòng học; sử dụng một phần hội trường để làm phòng tin học [3.3-01].

Khối phòng hành chính có: Phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, văn phòng [3.3-02].

Nhà trường có 2 khu để xe cho giáo viên, nhân viên và học sinh được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn và trật tự [3.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính-quản trị theo quy định, đảm bảo đề cán bộ quản lý, nhân viên làm việc [3.3-01]; [3.3-02]. Nhà trường đã tích cực tham mưu với các cấp có thẩm quyền đầu tư xây dựng 06 phòng học 2 tầng để làm phòng chức năng nhưng đến nay vẫn chưa được đầu tư xây dựng [H19-3.3-05].

Hồ sơ, tài liệu của nhà trường được lưu trữ theo từng khối, bộ phận: chuyên môn, kế toán, văn phòng, hành chính,... [3.3-04].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính-quản trị có đầy đủ các thiết bị, để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [3.3-01]; [3.3-02].

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng khang trang, có đủ phòng học, các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị máy móc để phục vụ có hiệu quả công tác dạy và học. Nhà trường có máy photocopy, các máy vi tính được kết nối internet thuận tiện cho các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Chưa có phòng riêng để dạy học môn Âm nhạc và làm phòng Hoạt động Đội, phòng máy tính diện tích nhỏ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bảo quản, bảo trì và tiếp tục sử dụng có hiệu quả các chức năng hiện có. Tiếp tục tham mưu với UBND huyện đầu tư xây dựng 06 phòng học 2 tầng để bố trí đủ các phòng phục vụ học tập và phòng hành chính - quản trị.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 khu vệ sinh giáo viên, 02 khu vệ sinh học sinh, riêng cho nam và nữ. Khu vệ sinh của giáo viên và học sinh luôn sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường [3.4-01].

Hệ thống mương thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Có hệ thống nước giếng phục vụ sinh hoạt, nước uống giáo viên đảm bảo vệ sinh thực phẩm, học sinh tự mang nước uống [3.4-02]; [3.4-03].

Có thùng đựng rác, khu thu gom, đổ rác và xử lý rác đúng quy định đảm bảo vệ sinh môi trường [3.4-04].

Mức 2:

Nhà trường có khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học [3.4-01].

Hệ thống cấp nước sạch, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H19-3.4-02]; [3.4-03]; [H19-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Hệ thống nhà vệ sinh giáo viên, nhân viên và học sinh được xây dựng đầy đủ, thoáng, đẹp, đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hệ thống nước sạch đầy đủ đảm bảo yêu cầu sử dụng hằng ngày cho mọi thành viên trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa có ý thức giữ gìn nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giáo dục học sinh ý thức giữ vệ sinh chung.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Trường có 20 máy tính để bàn, 09 máy tính xách, 02 máy chiếu, 21 tivi, 09 máy in, 01 máy photocopy phục vụ cho công tác quản lý và giảng dạy. Có 01 đàn organ dùng dạy Âm nhạc, 01 dàn âm thanh phục vụ hoạt động ngoài trời và trong hội trường [H19-3.5-01].

Nhà trường mua sắm thiết bị để phục vụ tối thiểu nhu cầu giảng dạy và học tập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày

30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học [H19-3.5-01].

Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê, thống kê thanh lý lại các thiết bị hư hỏng để kịp thời sửa chữa bổ sung các đồ dùng và thiết bị phục vụ cho các năm học tiếp theo [H19-3.5-01].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H19-3.5-02].

Trường có tương đối đầy đủ các loại thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định [H19-3.5-01].

Việc sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ dạy trên lớp và tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên đảm bảo theo quy định. Đề khâu bảo quản và sử dụng thiết bị có hiệu quả nhà trường đã chỉ đạo bộ phận thư viện, thiết bị có kế hoạch theo dõi và kiểm tra chặt chẽ khâu mượn, trả đồ dùng dạy học, cập nhật bổ sung thiết bị cũng như theo dõi việc tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên [H19-3.5-01].

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm hiện có được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H19-3.5-01].

2. Điểm mạnh

Trường trang bị khá đầy đủ thiết bị phục vụ giảng dạy. Có hệ thống sổ sách theo dõi việc mượn, trả hàng năm. Nhà trường đã có kho riêng để chứa thiết bị và đồ dùng dạy học, mỗi lớp có một tủ đựng đồ dùng nên rất thuận lợi cho việc sử dụng của mỗi giáo viên.

3. Điểm yếu

Nguồn kinh phí của nhà trường còn hạn hẹp, chưa đáp ứng cho việc mua sắm đồ dùng, thiết bị dạy học.

Một số ít giáo viên tự làm, mượn và sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, có kế hoạch bổ sung, tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Tăng cường làm và sử dụng tốt đồ dùng dạy học. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng thường xuyên dự giờ, kiểm tra việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện nhà trường được trang bị, sách báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học. Có thư viện thân thiện phục vụ học sinh. Hiện tại có 2629 bản sách, trong đó có 1186 bản sách Thiếu nhi, 230 bản sách nghiệp vụ, 634 bản sách tham khảo, 579 bản sách giáo khoa [H20-3.6-01].

Nhân viên thư viện thường xuyên theo dõi, cập nhật số lượt độc giả đến đọc, mượn và trả sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo của giáo viên, học sinh. Máy tính thư viện có nối mạng Internet để tăng cường cập nhật thông tin. Lịch phục vụ bạn đọc được niêm yết công khai [H20-3.6-02].

Hằng năm, nhà trường kiểm kê, bố trí kinh phí mua bổ sung sách báo, tài liệu tham khảo cho thư viện, đáp ứng các yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh. Trường tổ chức ngày hội đọc sách, thực hiện tốt phong trào quyên góp xây dựng tủ sách dùng chung cho thư viện từ học sinh và các nhà hảo tâm [H20-3.6-01].

Mức 2:

Thư viện nhà trường đạt chuẩn theo Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông [H20-3.6-01].

Mức 3:

Thư viện nhà trường có máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [3.6-03].

2. Điểm mạnh

Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu tra cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện nhà trường hoạt động nghiêm túc. Sách, báo trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của CBQL, GV, NV và học sinh. Nhà trường rất quan tâm tới các hoạt động của bạn đọc.

3. Điểm yếu

Việc mua sắm bổ sung sách, tài liệu tham khảo hằng năm còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường huy động các nguồn vốn theo từng năm học để mua sắm bổ sung thêm tài liệu tham khảo và sách, báo mới để thu hút giáo viên và học sinh tham gia hoạt động đọc ngày một nhiều hơn, tổ chức có hiệu quả ngày hội đọc sách và phát động hưởng ứng văn hóa đọc, chung tay xây dựng thư viện.

Tiếp tục duy trì và phát huy việc đọc sách báo một cách đều đặn. Khuyến khích giáo viên, học sinh đọc sách báo ngoài giờ. Sắp xếp, bố trí hợp lý lại phòng thư viện, để có không gian đáp ứng nhu cầu đọc sách của GV và HS; xây dựng các tủ sách tại giá sách các lớp học do giáo viên chủ nhiệm, cán bộ lớp quản lý, tổ chức đọc sách và theo dõi nhằm cải tiến hoạt động đọc sách trong nhà trường.

Tiếp tục thực hiện tốt các chức năng quyền hạn và nhiệm vụ của nhân viên thư viện và không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả công việc ngày một tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường có diện tích, khuôn viên, cổng trường, hàng rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập của trường đảm bảo các quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Trường có đủ phòng học cho 19 lớp học 2 buổi/ngày. Diện tích phòng học đúng quy định, bàn ghế học sinh đủ về số lượng, có chất lượng tốt. Khối phòng phục vụ học tập và hành chính quản trị đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, văn phòng, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Hệ thống nước sạch, khu vệ sinh, nhà để xe, thu gom rác đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục.

Thư viện nhà trường có đầy đủ loại sách báo cho giáo viên và học sinh. Thư viện đạt chuẩn theo Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Trường có trang bị đủ máy tính, tivi và các thiết bị khác tạo điều kiện tốt nhất để tổ chức dạy học và các hoạt động dạy học. Thiết bị và đồ dùng phục vụ cho việc dạy học của giáo viên và học sinh đầy đủ, có chất lượng. Phong trào tự làm đồ dùng dạy học đã trở thành nền nếp.

Cán bộ phụ trách và giáo viên đều có ý thức cao trong việc sử dụng bảo quản các thiết bị và đồ dùng dạy học.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/6 tiêu chí, chiếm 0%.
- Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí, chiếm 100%.
- Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí, chiếm 100%.
- Đạt Mức 3: 2/6 tiêu chí, chiếm 33,3%.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 1/6 tiêu chí chiếm 16.7 %
- Đạt Mức 1: 5/6 tiêu chí chiếm 83.4 %
- Đạt Mức 2: 5/6 tiêu chí chiếm 83.4 %
- Đạt Mức 3: 2/6 tiêu chí chiếm 33.4 % (Trong đó, 1/5 tiêu chí có mức 3 chiếm 20 %)

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường, gia đình và xã hội là ba yếu tố không thể thiếu được để giáo dục có kết quả tốt nhất. Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường hoạt động theo đúng Điều lệ BDDCMHS. Nhà trường luôn tham mưu tốt với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để duy trì số lượng học sinh đồng thời huy động nguồn lực xây dựng cảnh quan môi trường và khen thưởng, động viên những học sinh có thành tích tốt, học sinh vượt khó vươn lên trong học tập, rèn luyện; giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Công tác xã hội hóa giáo dục luôn được lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể địa phương quan tâm nhằm góp phần thúc đẩy phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trên địa bàn xã nói chung và Trường Tiểu học Quang Trung nói riêng. Việc phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã đem lại những thành công đáng kể trong hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của từng lớp và của trường, được thành lập vào đầu năm học do Hội nghị cha mẹ học sinh của lớp và của trường bầu ra. Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và trường hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ BDD cha mẹ học sinh theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H13-1.10-02].

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện CMHS hoạt động, nhà trường đã thường xuyên cung cấp đầy đủ thông tin về kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường cho Ban đại diện CMHS trường cũng như toàn thể cha mẹ học sinh được rõ để cùng phối hợp thực hiện. Ban đại diện CMHS trường xây dựng kế hoạch cụ thể và thường xuyên phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh theo Điều lệ Ban Đại diện CMHS [H21-4.1-01].

Trường có kế hoạch tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất với cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh [H21-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; đảm bảo huy học sinh đến trường nên không có tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng. Ban đại diện cha mẹ học sinh có quyền đề xuất ý kiến, tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, bàn các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh đồng thời nhà trường góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Hằng năm, các hoạt động phối kết hợp của nhà trường với phụ huynh được đánh giá cụ thể những việc đã hoàn thành tốt và những việc còn tồn tại, đề ra phương hướng cho năm học mới đạt kết quả tốt [H21-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Phối hợp giáo dục đạo đức cho học sinh, khuyến khích học sinh có thành tích xuất sắc, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác [H21-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS các lớp và nhà trường được thành lập đúng theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS và có sự đồng thuận cao trong tất cả cha mẹ học sinh trong trường. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường để tổ chức các hoạt động, phát huy được hiệu quả trong công việc như: hỗ trợ kinh phí xây dựng cải tạo CSVCS, hỗ trợ hoạt động dạy học và các hội thi phong trào. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và các lớp đều nhiệt tình, tâm huyết, nắm chắc Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh để hoạt động.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa vận động được các cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn hỗ trợ thêm nguồn lực cho các hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường tổ chức vận động các nguồn tài trợ hợp pháp hỗ trợ thêm nguồn lực cho các hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường như: Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch tuyển sinh, xây dựng cơ sở vật chất, công tác phổ cập, các nguồn thu chi ngoài ngân sách, công tác Đảng, đoàn thể,... Đặc biệt là các giải pháp về công tác huy động và duy trì số lượng học sinh, công tác huy động và hỗ trợ nguồn tài chính cho xây dựng cơ sở vật chất nhà trường [H21-4.1-03].

Nhà trường đã phối hợp tốt với các tổ chức như Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh,... để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục học sinh về đạo đức, truyền thống cách mạng, tuyên truyền phòng tránh tai nạn thương tích, truyền thông về biến đổi khí hậu các tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh [H4-1.3-03].

Hằng năm, nhà trường thực hiện huy động các khoản đóng góp theo đúng các văn bản chỉ đạo của các cấp và sự đồng thuận cao của cha mẹ học sinh. Các loại quỹ được quản lý đảm bảo đúng quy định về công tác tài chính hiện hành [H22-4.1-03].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường đều tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn [H21-4.1-03].

Phối, kết hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H4-1.3-03].

Mức 3:

Trường được công nhận đơn vị văn hoá nhiều năm liền. Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [4.2-03].

2. Điểm mạnh

Trường đã phối hợp các tổ chức đoàn thể và các tầng lớp nhân dân địa phương để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Nhà trường luôn chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật của nhà trường và tạo môi trường giáo dục lành mạnh, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật.

3. Điểm yếu

Công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh chưa đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được. Hằng năm, nhà trường tiếp tục chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương và kế hoạch phát triển của nhà trường để tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện về nguồn lực giúp nhà trường ngày càng phát triển. Tiếp tục thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để huy động các nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học. Phối hợp các đoàn thể để tổ chức đa dạng các hoạt động giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Đảm bảo sự phối hợp hiệu quả cao giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh. Trường đã phối hợp các tổ chức đoàn thể và các tầng lớp nhân dân địa phương để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Hằng năm, BĐDCMHS được kiện toàn vào đầu năm học, nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho BĐDCMHS thực hiện tốt các hoạt động. Ban đại diện CMHS của trường là những người nhiệt tình, có trách nhiệm; đã làm việc theo đúng vai trò, chức

trách, nhiệm vụ của mình; phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền và phối hợp các Ban ngành, đoàn thể tạo ra được mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với BÐDCMHS và các đoàn thể chính quyền nhân dân địa phương trong hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục học sinh. Chất lượng và hiệu quả phối hợp hoạt động tốt, góp phần xây dựng trường và môi trường giáo dục, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục. Sự tham gia, phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và CMHS đã giúp cho nhà trường đảm bảo hoạt động dạy và học.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/2 tiêu chí, chiếm 0%.
- Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí, chiếm 100%.
- Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí, chiếm 100%.
- Đạt Mức 3: 2/2 tiêu chí, chiếm 100%.
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: 2/2 tiêu chí chiếm 100 % (Trong đó, 2/2 tiêu chí có mức 3 chiếm 100 %)

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong những năm qua nhà trường luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng dạy và học một cách thực chất. Kết quả giáo dục hàng năm của mỗi lớp là một trong những tiêu chí để đánh giá xếp loại thi đua giáo viên cuối năm. Vì thế kết quả giáo dục của nhà trường trong những năm qua luôn chuyển biến tích cực.

Hầu hết học sinh chăm ngoan, lễ phép, không có hiện tượng học sinh vi phạm đánh nhau hay các tệ nạn xã hội. Không có học sinh bỏ học, học sinh ngồi nhầm lớp. Tuyên truyền giáo dục cho học sinh vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Nhà trường luôn giữ vững kỷ cương, nề nếp trong hoạt động dạy và học. Việc thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học nghiêm túc. Chất lượng giáo dục toàn diện luôn luôn ổn định so với mặt bằng chung của huyện. Hồ sơ, sổ sách quản lý chất lượng được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo an toàn. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được nhà trường quan tâm, có kế hoạch, theo dõi, chỉ đạo đạt hiệu quả. Học sinh được học trong một môi trường thân thiện, xanh, sạch, đẹp, an toàn. Chính vì thế, kết quả học tập, rèn luyện, nâng cao kỹ năng sống cho học sinh trong trường luôn ổn định và hiệu quả giáo dục ngày càng được nâng cao.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;
- b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;
- c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

- a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;
- b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ vào Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và nhiệm vụ năm học của ngành và điều kiện thực tế của đơn vị, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, kế hoạch học kỳ, hàng tháng, tuần theo đúng như các văn bản chỉ đạo của các cấp [H23-5.1-01].

Nhà trường dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu cần đạt của từng môn học, hoạt động giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương [H23-5.1-02].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được thông qua chi bộ, giải trình thông qua Hội nghị viên chức và người lao động đầu năm học, được gửi về Phòng GD&ĐT huyện trước ngày 31/8 hằng năm để chỉ đạo và theo dõi thực hiện [H23-5.1-01]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Kế hoạch giáo dục luôn bám sát mục tiêu của cấp học, đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục [H23-5.1-01].

Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch thông qua các báo cáo tổng kết, họp cha mẹ học sinh toàn trường và trên trang thông tin điện tử của trường [H1-1.1-03]; [H21-4.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt, đầy đủ chương trình giáo dục. Có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, tổ chức hiệu quả hoạt động dự giờ, thăm lớp, phong trào Hội giảng để cải tiến phương pháp dạy học nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên.

Kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần của nhà trường phù hợp, đảm bảo quy định.

Tổ chức dạy học đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù

hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương.

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đạt kết quả cao trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, thường xuyên tổ chức phụ đạo học sinh học yếu. Nhà trường đặc biệt quan tâm công tác bồi dưỡng rèn luyện TĐTT và các hoạt động khác bằng nhiều hình thức để động viên đồng thời chỉ đạo có hiệu quả cao các phong trào thi đua của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức để cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch còn chưa đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức đang đang các hình thức để cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;
- c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;
- b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương [H23-5.2-01].

Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung, giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H23-5.2-02].

Việc đánh giá chất lượng học sinh được nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT, Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT [H16-2.4-02].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H23-5.2-01]; [H23-5.2-03].

Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, giúp đỡ những học sinh khó khăn trong học tập. Đồng thời chỉ đạo các tổ chuyên môn căn cứ vào tình hình học sinh của khối lớp mình phụ trách để từ đó có kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo hợp lý [H23-5.2-04].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đều có rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H10-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện chương trình cấp học đúng theo các văn bản chỉ đạo của ngành, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học để nâng cao hiệu quả dạy học các môn học và hoạt động giáo dục.

Giáo viên thường xuyên quan tâm bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và giúp đỡ học sinh có khó khăn trong học tập và rèn luyện. Học sinh được đánh giá theo quy định và theo hướng phát huy phẩm chất năng lực của cá nhân.

Các tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ theo hướng nghiên cứu bài học, thường xuyên thảo luận, cải tiến phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với đối tượng, phát huy năng lực học sinh.

3. Điểm yếu

Có một số học sinh gặp nhiều khó khăn về nhận thức nên chậm tiến bộ trong học tập và rèn luyện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phối hợp tốt với gia đình, các đoàn thể, tổ chức đa dạng các hình thức thi đua học tập để giúp các học sinh khó khăn về nhận thức phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hoàn thành các nội dung bài học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ điểm từng tháng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, góp phần hỗ trợ và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục toàn diện. Vào những ngày lễ lớn trong năm, nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa như thi văn nghệ, kể chuyện theo sách,... để củng cố kiến thức đã học đồng thời giúp học sinh tham gia vào các hoạt động vui chơi, giải trí sau những giờ học căng thẳng [H23-5.3-01].

Nội dung các hoạt động có hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, lứa tuổi đặc điểm tâm sinh lí và nhận thức của học sinh như: Hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, giao lưu văn nghệ, các hoạt động bảo vệ môi trường, lao động vệ sinh trường lớp,... theo đúng kế hoạch đã đề ra [H23-5.3-01].

Các hoạt động giáo dục được phân công cụ thể cho từng giáo viên phụ trách và có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường. 100% giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia [H23-5.3-01].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường đều có học sinh tham gia các hội thi, giao lưu văn hóa do phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giao lưu, kể chuyện Bác Hồ, trò chơi dân gian, giai điệu tuổi hồng,... tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo [H18-2.4-05]; [H14-2.4-06].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức tốt các nội dung và hình thức của các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh như các Câu lạc bộ “Em yêu Âm nhạc”, Câu lạc bộ “Em yêu tiếng Anh”, Câu lạc bộ “Toán tuổi thơ” [H23-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục khác phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Nội dung hoạt động hình thức tổ chức đa dạng, phong phú, phù hợp với lứa tuổi học sinh và mang tính giáo dục kỹ năng sống cao; huy động được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường tham gia hứng thú, tích cực và tự giác.

3. Điểm yếu

Điều kiện cơ sở vật chất để phục vụ cho học sinh rèn luyện còn thiếu như nhà đa năng, dụng cụ thể dục, thể thao. Chất lượng một số hoạt động chưa cao, một số học sinh còn rụt rè trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Việc tổ chức cho học sinh tham gia các chuyến tham quan, dã ngoại còn hạn chế do thời gian và kinh phí có hạn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới, nhà trường tích cực tham mưu với các cấp quản lý, các tổ chức đoàn thể trong địa phương, phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ kinh phí để tổ chức cho học sinh được tham quan, dã ngoại, rèn luyện kỹ năng sống.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thực hiện Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT, ngày 22/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Nhà trường đã có kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi ngay từ đầu mỗi năm học. Tiến hành điều tra trình độ văn hoá của từng gia đình đầy đủ, đúng theo quy định [H15-2.4-01].

Hằng năm, nhà trường tổ chức và thực hiện “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”. Kết hợp với cha mẹ học sinh, các thôn, các tổ chức xã hội ở địa phương để điều tra, huy động 97,7% trở lên trẻ em 6 tuổi trên địa bàn vào lớp 1 [H24-5.4-01].

Để làm tốt công tác phổ cập, nhà trường đã phối hợp với các bậc học trong xã để liên kết cùng điều tra, liên kết với bậc mầm non để nắm rõ số lượng học sinh 5 tuổi, tạo mọi điều kiện để giáo viên xuống hộ gia đình điều tra, thu thập số liệu, hồ sơ đầy đủ [H15-2.4-01].

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 97,7% trở lên [H24-5.4-01].

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 97,7% trở lên [H24-5.4-01].

2. Điểm mạnh

Trường phối hợp chặt chẽ với các thôn, các đoàn thể trên địa phương, cha mẹ học sinh để vận động trẻ 6 tuổi đến trường đạt tỷ lệ 97,7% trở lên.

Số liệu phổ cập được quản lý bằng phần mềm vi tính rất thuận tiện cho việc cập nhật theo dõi, thống nhất đảm bảo tính chính xác.

3. Điểm yếu

Dân số thường xuyên biến động (do chuyển đến, chuyển đi) nên việc điều tra, cập nhật số liệu gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tham mưu với địa phương để đẩy mạnh, duy trì công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Phân công cán bộ phụ trách phổ cập giáo dục tiếp tục củng cố hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ chính xác và đầy đủ, duy trì quản lý việc điều tra, cập nhật số liệu.

Nhà trường củng cố chặt chẽ hơn nữa mối quan hệ với các tổ chức xã hội trên địa bàn để làm tốt công tác Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Tập trung làm tốt công tác điều tra, kịp thời xử lý, chốt số liệu học sinh chuyển đi, chuyển đến chính xác. Có biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến trường học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học (lớp 1-lớp 4) đạt trên 99% [H16-2.4-02].

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học (Lớp 5) đều đạt 100% [H24-5.5-01].

Tỷ lệ học sinh đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H24-5.5-02].

Mức 2:

Hàng năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99% [H16-2.4-02].

Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 88,5% trở lên; các học sinh 11 tuổi còn lại đều đang học ở các lớp tiểu học [H24-5.5-02].

Mức 3:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hàng năm đạt trên 99% [H16-2.4-02].

Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 88,5% trở lên; các học sinh 11 tuổi còn lại đều đang học ở các lớp tiểu học [H24-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm học gần đây, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 97% trở lên và hoàn thành chương trình tiểu học là 100%, không có học sinh bỏ học.

Đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, thường xuyên quan tâm tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục thể chất cho học sinh. Học sinh có ý thức tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, tích cực chăm sóc bồn hoa, cây cảnh và giữ gìn vệ sinh trường lớp sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Học sinh chưa được tìm hiểu và tham gia nhiều về giáo dục bảo vệ môi trường ở địa phương, kinh phí chi cho hoạt động còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện tốt việc dạy học các môn học và hoạt động giáo dục theo để phát huy tối đa năng lực học tập, rèn luyện của học sinh.

Tăng cường tổ chức cho học sinh tìm hiểu và tham gia về bảo vệ giáo dục môi trường ở trường và địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục và có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học tốt. Tổ chức hiệu quả các hoạt động dự giờ, thăm lớp, chuyên đề, thao giảng, hội giảng ... và tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tập thể.

Kết hợp tốt với địa phương trong việc điều tra độ tuổi và trình độ văn hoá, có kế hoạch cụ thể, phân công người có trách nhiệm cụ thể mỗi năm đều có biện pháp triển khai thực hiện phổ cập tiểu học.

Chất lượng về năng lực, phẩm chất và học tập của học sinh trong nhà trường ổn định và từng bước được nâng cao. Hoạt động ngoài giờ lên lớp và giáo dục thể chất đạt hiệu quả tốt.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0%.
- Đạt Mức 1: 5/5 tiêu chí chiếm 100%.
- Đạt Mức 2: 5/5 tiêu chí chiếm 100%.
- Đạt Mức 3: 5/5 tiêu chí chiếm 100%.
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: 5/5 tiêu chí chiếm 100 % (Trong đó, 4/4 tiêu chí có mức 3 chiếm 100 %)

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Kết luận:

A

B

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 1/27 chiếm 3.8 %
 - Đạt Mức 1: (26/27) (26/27) tiêu chí chiếm 96.3 %
 - Đạt Mức 2: (26/27) (26/27) tiêu chí chiếm 96.3 %

- Đạt Mức 3: (23/27) (15/19) tiêu chí chiếm 85.2 %
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/27 chiếm 0 %.
- Đạt Mức 1: 27/27 tiêu chí chiếm 100 %.
- Đạt Mức 2: 27/27 tiêu chí chiếm 100 %.
- Đạt Mức 3: 13/17 tiêu chí chiếm 76,5 %.

Căn cứ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học của BGD&ĐT, Trường Tiểu học Quang Trung tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 1./.

Căn cứ Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học của Bộ GDĐT. TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 0 và đạt chuẩn quốc gia mức độ Không đạt.

....., ngàytháng năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Phần IV
PHỤ LỤC